

Bản án số: 70/2024/HS-PT
Ngày: 26-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Trần Văn Nhum

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thẩm thụ lý số 95/2024/HSPT ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T1, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Đình H, sinh năm 1996, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng R, sinh năm 1948 và bà Trần Thị E, sinh năm 1952; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn N, sinh năm 1980, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Trần Thị T3, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là bà Phan Thị Y, sinh năm 1993 và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024 và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Thị Kim O, sinh năm 1979, tại Bình Phước; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1959 (*đã chết*) và bà Võ Thị R1, sinh năm 1954; bị cáo có chồng là ông Phạm Văn N1, sinh năm 1971 (*đã ly hôn*) và có 02 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024 và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Văn T, sinh năm 1993, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng R, sinh năm 1948 và bà Trần Thị T3, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là bà Dương Thị Thu H1, sinh năm 1997 và 02 người con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024 và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Thanh T4, sinh năm 1988, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh H2 (*đã chết*) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1999, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1954 và bà Dương Thị T5, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là bà Trần Thị Y1, sinh năm 1999 và 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024 và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

7. Phan Thị Y, sinh năm 1993, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Giang L, sinh năm 1955 và bà Lê Thị C1, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là ông Trần Văn

N, sinh năm 1980 và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Luật sư **Nguyễn Hữu T6** thuộc Văn phòng L1 Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: số F, đường A, khu phố I, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 31 tháng 12 năm 2023, Trần Văn N, Phan Thị Y, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T2 cùng một số người đến nhà Võ Thị Kim O ở tại Thôn F, xã B, huyện B để dự tiệc kết thúc năm 2023. Đến khoảng 17 giờ, O rủ N, Y, T, T2 đánh bạc bằng hình thức bài cào liêng thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. O liền lấy một bộ bài tây loại 52 lá rồi cùng N, T, T2 ngồi trong phòng khách đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Hoàng Đình H và Hoàng Thanh T4 đến nhà O chơi thấy đang đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền thì lúc này lần lượt H, T4 và Y ngồi xuống tham gia đánh bài cùng với O, T, T2 và N nhằm sát phạt nhau để hưởng lợi.

Hình thức đánh bài cào liêng như sau: người chơi thống nhất đặt cược 10.000 đồng (*tiền tẩy*); sau đó, người làm cái chia đều cho người chơi mỗi người 03 lá bài, số bài còn lại để xuống chiếu bạc, người làm cái đánh ra một lá bài cho người ngồi phía bên phải, người này có thể lấy lá bài đó hoặc bốc một lá bài trong số bài để dưới chiếu bạc, sau đó đánh tiếp một lá bài cho người ngồi phía bên phải cho đến khi hết vòng. Nếu ai bỏ bài thì thua ván bài đó số tiền 10.000 đồng (*tiền tẩy*), ai cân với cái thì bỏ thêm 10.000 đồng hoặc tố thêm tiền thì bỏ vào 100.000 đồng. Cách tính thắng thua như sau: Nếu ván bài không ai cân thì cái sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt tẩy, nếu có người tố thì người tố sau cùng sẽ thắng, nếu cân thì ai có bài lớn nhất sẽ thắng toàn bộ số tiền tẩy, tiền cân và tiền tố trong ván bài đó. Lớn nhất là sam cô (03 lá bài cùng 01 hàng, ví dụ 03 lá A), sam cô lớn nhất là 03 lá bài xì (A), nhỏ nhất là 03 lá bài (2); sau đó đến sảnh hay còn gọi là liêng (03 lá bài có số liền kề nhau trong bộ bài, sảnh lớn nhất là đầm, già, xì (QKA), nhỏ nhất là (1,2,3); tiếp đến là 3 tiên (03 lá bài bất kỳ trong số J, Q, K mà không phải sảnh). Cách tính điểm là cộng 03 lá bài lại có điểm 9 là cao nhất, các lá từ 10 đến K tính 0 điểm, nếu sảnh điểm bằng nhau thì bài cào có lá bài chất cơ lớn hơn thì thắng, lần lượt đến rô, tép, bích.

Trần Văn N, Phan Thị Y, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T2, Võ Thị Kim O, Hoàng Đình H và Hoàng Thanh T4 chơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm:

Thu giữ giữa sòng bạc: 01 bộ bài tây có 52 lá bài và số tiền 210.000 đồng; 01 hộp giấy (*hộp đựng bài tây*) bên trong có số tiền 900.000 đồng; thu giữ trước mặt trên sòng, tại vị trí ngồi của Phan Thị Y số tiền 550.000 đồng; Hoàng Thanh T4 số tiền 620.000 đồng và 01 cái ví nam màu đen bên trong chứa số tiền 800.000 đồng; Hoàng Văn T số tiền 560.000 đồng; Trần Văn N số tiền 60.000 đồng; Võ Thị Kim O số tiền 520.000 đồng; thu giữ trước mặt trên sòng, tại vị trí ngồi của Hoàng Đình H số tiền 100.000 đồng và trong túi quần bên trái phía trước số tiền 3.500.000 đồng, túi quần sau bên phải số tiền 1.230.000 đồng; thu giữ trước mặt trên sòng, tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn T2 số tiền 300.000 đồng và trong túi quần bên trái phía sau số tiền 500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Võ Thị Kim O trước khi tham gia đánh bạc có 650.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang O đang thua số tiền 130.000 đồng.

Trần Văn N trước khi tham gia đánh bạc có 580.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang N đang thua số tiền 520.000 đồng.

Hoàng Thanh T4 trước khi tham gia đánh bạc có 2.150.000 đồng và sử dụng 1.650.000 đồng (*trong đó có 300.000 đồng trong ví*) vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T4 đang thua số tiền 730.000 đồng.

Phan Thị Y trước khi tham gia đánh có 350.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Y đang thắng số tiền 200.000 đồng.

Hoàng Văn T trước khi tham gia đánh bạc có 650.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T đang thua số tiền 90.000 đồng.

Hoàng Đình H trước khi tham gia đánh bạc có 3.650.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang H đang thắng số tiền 1.180.000 đồng.

Nguyễn Văn T2 trước khi tham gia đánh bạc có số tiền khoảng 1.650.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T2 đang thua số tiền 850.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.180.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 1618 ngày 20/3/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố H kết luận “*Trước, trong và sau khi đánh bạc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến hiện tại bị cáo Hoàng Thanh T4 hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Hoàng Văn T, Võ Thị Kim O, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y, Hoàng Thanh T4 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Hoàng Đình H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Hoàng Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Võ Thị Kim O 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Phan Thị Y 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Hoàng Thanh T4 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2024 các bị cáo Nguyễn Văn T2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 17/7/2024 các bị cáo Hoàng Đình H, Hoàng Văn T, Trần Văn N, Hoàng Thanh T4, Phan Thị Y kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 19/7/2024 các bị cáo Võ Thị Kim O kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 08/11/2024 các bị cáo có văn bản thay đổi kháng cáo từ xin hưởng án treo thành cải tạo không giam giữ và bổ sung đơn xác nhận các bị cáo là lao động làm thuê có hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt, cụ thể: xử phạt bị cáo Hoàng Đình H từ 08 đến 11 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T4 từ 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Phan Thị Y từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Võ Thị Kim O từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo: các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều là những người dân lao động nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Hoàng Thanh T4 bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà thay bằng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T4, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cũng như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T4, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo nên mức án xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án đánh bạc trên các bị cáo chỉ tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo thành người tốt nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Do đó, kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T4, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Người bào chữa cho các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T4, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Võ Thị Kim O, Hoàng Văn T, Hoàng Thanh T4, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Đình H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim O 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T4 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phan Như Y2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Bình Phước nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Hoàng Đình H, Trần Văn N, Hoàng Văn T, Võ Thị Kim O, Nguyễn Văn T2, Phan Thị Y, Hoàng Thanh T4 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Các bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (1);
- Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập (14);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (1);
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập (1);
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập (1)
- Cơ quan THAHS huyện Bù Gia Mập (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Bị cáo (7);
- Tổ HCTP, lưu Toà Hình sự (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo